BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 480 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ IX (2022 – 2027) thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCPCP, TT, TMT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NỘI VỤ

Vũ Chiến Thắng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 480 /QĐ-BNV ngày04 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam.

2. Tên tiếng Anh: Viet Nam Mining Science & Technology Association.

3. Tên viết tắt tiếng Anh: VIMA.

4. Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam có biểu tượng (logo) riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam tự nguyện thành lập, hoạt động trong lĩnh vực khoa học – công nghệ mỏ hoặc liên quan đến ngành mỏ theo quy định của pháp luật nhằm tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên, cùng giúp đỡ nhau hoạt động hiệu quả, phát huy tài năng và trí tuệ, nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, để phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành mỏ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại 226, phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Hội có thể đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực khoa học – công nghệ mỏ theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho hội viên.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan tổ chức liên quan; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật để thực hiện một số nhiệm vụ phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của ngành mỏ và các lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

11. Xét khen thưởng và đề nghị cơ quan, tổ chức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

12. Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ Hội.

3. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

4. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật,chế độ, chính sách của Nhà nước về khoa học – công nghệ mỏ, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích khả năng sáng tạo cho hội viên trong hoạt động khoa học – công nghệ, giúp đỡ hội viên nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển ngành mỏ Việt Nam.

7. Chịu trách nhiệm hòa giải tranh chấp, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ hội; báo cáo kết quả xác minh, giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Trường hợp, Hội không tự giải quyết được các tranh chấp, đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Vận động nguồn lực, kêu gọi sự ủng hộ và tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, quà tặng, các khoản tài trợ hợp pháp theo cam kết của nhà tài trợ và quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy định của Hội. Báo cáo quyết toán tài chính về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài (nếu có) theo quy định của pháp luật gửi Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan.

10. Thực hiện nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật.

11. Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

12. Báo cáo việc thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội với Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

13. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện, các đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp ban lãnh đạo Hội.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí, được Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: công dân, tổ chức Việt Nam bao gồm các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động trong lĩnh vực lĩnh vực khoa học – công nghệ mỏ hoặc liên quan đến ngành mỏ theo quy định của pháp luật nhưng chưa đủ điều kiện là hội viên chính thức của Hội, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, có nguyện vọng, tự nguyện và tán thành Điều lệ, được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết của Hội.

c) Hội viên danh dự: công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có nhiều thành tích công lao đóng góp và tích cực tham gia các hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ thì được Hội công nhận hoặc mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực khoa học – công nghệ mỏ hoặc liên quan đến ngành mỏ theo quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; có tâm huyết, trách nhiệm; có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; có Đơn gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định);

b) Hội viên tổ chức: tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực khoa học – công nghệ mỏ hoặc liên quan đến ngành mỏ theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; có Đơn gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định) kèm

theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có văn bản cử người đại diện;

Hội viên tổ chức cử người đại diện là công dân Việt Nam tham gia Hội phải là người có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của đơn vị mình phụ trách, quyền và nghĩa vụ của hội viên. Trong trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải có đủ thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi hội viên tổ chức thay đổi người đại diện thì phải thông báo bằng văn bản cho Hội, chậm nhất không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

Điều 9. Quyền hạn của hội viên

1. Được Hội hướng dẫn, hỗ trợ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được Hội giúp đỡ, bồi dưỡng về khoa học kỹ thuật, công nghệ mỏ; tạo điều kiện để thực hiện những công trình nghiên cứu hay sáng kiến cải tiến; bảo vệ quyền lợi hợp pháp và được hưởng những quyền lợi khác do Hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Được Hội giúp đỡ đặt quan hệ với các tổ chức khoa hoc – công nghệ mỏ ở các nước để trao đổi thông tin phục vụ công tác khoa học kỹ thuật và đào tạo hoặc tham dự hội nghị khoa học quốc tế về mỏ theo quy định của pháp luật.

6. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra theo quy định của Hội.

7. Được giới thiệu hội viên mới.

8. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội.

9. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

10. Được ra khỏi Hội khi thấy không thể tiếp tục là hội viên.

11. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội và sinh hoạt trong tổ chức, đơn vị của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội. Ban Chấp hành quy định cụ thể đóng hội phí theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

7. Phải bàn giao lại công việc và tài chính, tài sản, có liên quan khi không còn hoạt động ở Hội.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền công nhận hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Điều kiện và hồ sơ gia nhập: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội gửi Đơn (thông qua Văn phòng Hội) kèm theo hồ sơ gồm:

- Đối với cá nhân: Bản chứng thực Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn; Đơn xin gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh thẻ;

- Đối với tổ chức: bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, Quyết định thành lập đối với pháp nhân; Đơn xin gia nhập Hội của tổ chức theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh của người đại diện tổ chức được cử tham gia Hội;

b) Văn phòng Hội tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ, căn cứ quy chế làm việc, Ban Thường vụ ra quyết định kết nạp hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành;

c) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn của công dân, tổ chức gia nhập Hội, Ban Thường vụ xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên, hội viên đóng hội phí theo quy định và được cấp thẻ hội viên của Hội. Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ban hành quyết định kết nạp hội viên;

d) Việc công bố hội viên mới được tiến hành tại hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ của Hội hoặc thông báo bằng văn bản.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên tự nguyện ra khỏi Hội làm Đơn gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng Hội). Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn của công dân, tổ chức và đã bàn giao hoàn tất công việc của Hội (nếu có), Ban Thường vụ xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo

bằng văn bản đến hội viên của Hội và Ban Chấp hành. Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ban hành quyết định chấm dứt tư cách hội viên;

b) Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ban hành quyết định khai trừ hội viên trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hoạt động của Hội;

- Đối với hội viên cá nhân: bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo bản án có hiệu lực thi hành của Tòa án, bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên tổ chức: tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động;

c) Các trường hợp đương nhiên không còn tư cách hội viên:

- Đối với hội viên cá nhân: bị mất, bị tuyên bố mất tích theo quy định pháp luật;

- Đối với hội viên tổ chức: bị phá sản, bị giải thể theo quy định pháp luật.

d) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội;

đ) Hội viên bị chấm dứt tư cách hội viên có quyền khiếu nại lên Ban Chấp hành, Đại hội. Quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng.

3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn của Hội.

6. Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

7. Chi hội, phân hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Số lượng, cơ cấu đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành quy định. Khi triệu tập Đại hội, Ban Chấp hành Hội phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội và phải gửi thư mời đại biểu dự ít nhất trước 20 (hai mươi) ngày so với ngày dự kiến tổ chức Đại hội.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, cho ý kiến vào báo cáo của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua số lượng, cơ cấu và bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thảo luận và quyết định các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành theo quy định Hội;

e) Các nội dung khác (nếu có);

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội biểu quyết thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính,

tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung hoặc thay thế ủy viên Ban Chấp hành. Trong quá trình hoạt động, Ban Chấp hành có thể xem xét bầu bổ sung số lượng ủy viên Ban Chấp hành nhưng không được quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thông qua chủ trương thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

g) Trong quá trình hoạt động, khi có sự thay thế Trưởng, Phó ban hoặc bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành xem xét bầu bổ sung hoặc thay thế.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Chấp hành họp mỗi năm 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành đề nghị.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc thư điện tử;

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ

cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các tổ chức thuộc, trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Kết nạp hoặc cho hội viên ra khỏi Hội; khen thưởng, kỷ luật hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 03 (ba) tháng một lần. Khi cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra họp định kỳ mỗi năm 01 (một) lần; có thể họp bất thường theo yêu cầu của Trưởng ban hoặc của 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Kiểm tra trở lên.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; các Quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các đơn vị tổ chức thuộc và trực thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết các tranh chấp, đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành.

4. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là người đại diện theo pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về các hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

c) Chỉ đạo công tác chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội như: nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định, quy tắc; quyết định thành lập văn phòng, các ban chuyên môn, thành lập đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó đơn vị thuộc, trực thuộc Hội và các văn bản khác của Hội;

đ) Là chủ tài khoản của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

e) Quyết định các khoản thu, chi và sử dụng tài sản của Hội trong theo quy định, quy chế về thu, chi và quản lý tài sản được Ban Chấp hành thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ;

g) Thay mặt Hội trong các công tác đối nội, đối ngoại của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

h) Ký các hợp đồng với người làm việc tại Văn phòng, các ban chuyên môn thuộc Hội theo quy định của Bộ luật Lao động và Điều lệ này.

3. Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

Điều 18. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch, trong đó có Phó Chủ tịch thường trực do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng và tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Phó Chủ tịch thường trực được Chủ tịch uỷ quyền khi vắng mặt bằng văn bản, tạm thời điều hành hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội về những quyết định của mình.

Điều 19. Tổng thư ký

1. Tổng Thư ký có thể kiêm Chánh Văn phòng do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ.

2. Tổng Thư ký có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Thường trực giải quyết các công việc của Hội theo sự phân công của Chủ tịch và giúp Chủ tịch triển khai các hoạt động hàng ngày của Hội, trực tiếp chỉ đạo Văn phòng, các Ban chuyên môn và các tổ chức thuộc, trực thuộc Hội.

b) Giúp Ban Thường vụ xây dựng các quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội; quy chế hoạt động của Văn phòng.

c) Chuẩn bị, xây dưng nội dung, chương trình, văn kiện đại hội; chương trình, nội dung các phiên họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Định kỳ báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành các hoạt động của Hội theo quy chế của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành.

d) Tổ chức thư ký và tổng hợp tại liệu các kỳ đại hội, các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội nghị thường niên của Hội.

đ) Làm đầu mối tổng hợp, tổ chức các sự kiện và hoạt động của Hội. Thực hiện chức năng giao tiếp đối nội và đối ngoại của Hội.

e) Tổng thư ký là chủ tài khoản thứ hai của Hội, chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Hội theo sự phân công của Chủ tịch.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch triển khai các hoạt động của Hội. Các nhân viên Văn phòng được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động và theo quy định của Hội;

a) Người làm việc tại Văn phòng Hội do Chủ tịch Hội quyết định theo đề nghị của Phó Chủ tịch thường trực hoặc Tổng thư ký nếu được ủy quyền;

b) Người làm việc tại Văn phòng Hội được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng.

2. Căn cứ yêu cầu thực tế công việc, Hội có thể thành lập các ban chuyên môn có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về hoạt động chuyên môn.

3. Ban Thường vụ quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, Quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 21. Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội

1. Ban Thường vụ xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành để thực hiện các nhiệm vụ của Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ

này. Hội báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về việc thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của pháp nhân trực thuộc Hội.

2. Ban Thường vụ Hội quy định việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của của các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội.

Điều 22. Chi hội, phân hội

Chi hội, phân hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu được thành lập ở địa phương và ở cơ quan, tổ chức có nhiều hội viên (có ít nhất từ 9 (chín) hội viên trở lên). Chi hội, phân hội có thể bầu Chi hội, phân hội trưởng, nếu cần thiết bầu Chi hội phó.

2. Ban Thường vụ quyết định thành lập chi hội, phân hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Chi hội, phân hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; GIẢI THỂ VÀ ĐỔI TÊN HỘI

Điều 23. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội phải tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 24. Tài chính, tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Hội phí hàng năm của hội viên;

b) Hội viên tự nguyện ủng hộ;

c) Hỗ trợ của Nhà nước (nếu có), các cơ quan, đoàn thể; sự tài trợ hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;

d) Từ các hoạt động tư vấn, phản biện, thẩm định dự án, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

a) Chi hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội;

b) Chi cho hoạt động quản lý (thường xuyên và chuyên môn) của Hội;

c) Chi thuê trụ sở làm việc, mở văn phòng đại diện, mua sắm tài sản, thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động của Hội;

d) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội như: lương, thù lao, phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho người làm việc chuyên trách; chi bồi dưỡng cho người làm việc bán chuyên trách; chi khen thưởng, chi hợp tác quốc tế và các khoản chi khác, theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, phù hợp với khả năng tài chính của Hội và quy định của pháp luật.

đ) Các khoản chi hợp pháp khác.

3. Tài sản của Hội

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

b) Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng tài sản đúng mục đích và có hiệu quả. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch quyết định.

Điều 25. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội được quản lý, sử dụng theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ Hội; chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

3. Báo cáo tài chính được thực hiện trong hội nghị Ban Chấp hành hàng năm và trong Đại hội nhiệm kỳ.

4. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc, trực thuộc Hội, hội viên và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp và công tác của Hội Khoa học và Công nghệ

Mỏ Việt Nam được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể tiêu chuẩn, hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc, trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ, quy chế, các quy định của Hội, làm ảnh hưởng đến uy tín của Hội tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có), xóa tên, khai trừ hoặc bị giải thể (đối với tổ chức thuộc, trực thuộc Hội). Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể về kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Ban Chấp hành quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam thông qua khi được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) phải được Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều đã được Đại hội lần thứ IX Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.